

Tp. Hồ chí Minh, ngày 2 tháng 5 năm 2026

BÁO CÁO TUẦN 18
(từ ngày 25/4/2026 đến 01/5/2026)

I. TÌNH HÌNH PHỤC VỤ SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG XUÂN 2025-2026

Diện tích phục vụ vụ Đông Xuân 2025-2026 là: **21.005,6 ha**, cụ thể:

- 1. Khu vực Củ Chi : 9.719,4 ha**
 - Hệ thống CTTL Kênh Đông Củ Chi : 7.843,3 ha;
 - Hệ thống CTTL An Phú – Phú Mỹ Hưng : 542,2 ha ;
 - Đê bao VSSG đoạn từ rạch Thai thai đến cầu BS : 104,3 ha ;
 - Đê bao VSSG từ rạch Sơn đến rạch Cầu Đen : 55,1 ha;
 - Hệ thống thủy lợi VSSG từ rạch Láng The đến sông Lu : 527,5 ha ;
 - Hệ thống thủy lợi xã Tân Thạnh Đông : 647,0 ha .
- 2. Khu vực HM-BBC (XNHM-BC) : 4.710,3 ha**
 - Hệ thống CTTL Hóc Môn – Bắc Bình Chánh : 4.211,5 ha;
 - Công trình Nạo vét, cải tạo rạch Cầu Sa : 498,8 ha.
- 3. Khu vực Quận 12- HM (XN-NRT) : 4.115,6 ha**
 - TTL bờ hữu VSSG huyện Củ Chi từ TL8 đến rạch Tra (BRT): 809,4 ha;
 - CTTL bờ hữu VSSG từ sông Vàm Thuật đến rạch Tra (NRT): 2.834,4 ha;
 - Công ngăn triều rạch Ông Đụng : 339,2 ha;
 - Hệ thống thủy lợi Cây Xanh – Bà Bép : 133,1 ha.
- 4. Khu vực Thủ Đức (XNTĐ) : 2.460,3 ha**
 - Công trình tiêu thoát nước Suối Nhum : 541,0 ha;
 - Công trình 05 công ngăn triều : 1.919,3 ha.

II. TÌNH HÌNH PHỤC VỤ SẢN XUẤT VỤ HÈ THU NĂM 2026

Diện tích phục vụ vụ Hè Thu năm 2026 đến ngày 01/5/2026 là: **6.897,1 ha**, cụ thể:

- 1. Khu vực Củ Chi : 3.021,4 ha**
 - Hệ thống CTTL Kênh Đông Củ Chi : 2.628,3 ha;
 - Hệ thống CTTL An Phú – Phú Mỹ Hưng : 82,8 ha;
 - Đê bao VSSG đoạn từ rạch Thai thai đến cầu BS : 19,2 ha;
 - Đê bao VSSG từ rạch Sơn đến rạch Cầu Đen : 29,4 ha;
 - Hệ thống thủy lợi VSSG từ rạch LT đến sông Lu : 232,1 ha;
 - Hệ thống thủy lợi xã Tân Thạnh Đông : 29,6 ha.
- 2. Khu vực XNHM-BC quản lý : 2.221,6 ha.**
 - CTTL Hóc Môn – Bắc Bình Chánh : 1.722,8 ha
 - Công trình Nạo vét, cải tạo rạch Cầu Sa : 498,8 ha.
- 3. Khu vực Nam rạch Tra : 1.654,1 ha.**
 - CTTL Bắc rạch Tra : 583,9 ha;
 - CTTL Nam rạch Tra : 935,4 ha;
 - Công ngăn triều rạch Ông Đụng : 49,7 ha;
 - Hệ thống thủy lợi Cây Xanh – Bà Bép : 85,1 ha.

III. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN, CẤP NƯỚC:

1. Lượng nước sử dụng:

a. Lượng nước trong tuần qua CĐT K34 và CĐK N25 từ ngày 25/4/2026 đến ngày 01/5/2026: 8.623.878 m³, cụ thể:

| Ngày | K34 | | | | | N25 | |
|------------------|-------|-------|-----|----------------------|--------------------|----------------------|--------------------|
| | MNTL | MNHL | A | Q(m ³ /s) | W(m ³) | Q(m ³ /s) | W(m ³) |
| 25/4/2026 | 13,72 | 13,39 | 0,9 | 10,75 | 929.118 | 3,67 | 317.237 |
| 26/4/2026 | 13,72 | 13,38 | 0,9 | 10,92 | 943.091 | 3,67 | 317.237 |
| 27/4/2026 | 13,68 | 13,35 | 0,9 | 10,75 | 929.118 | 3,48 | 300.958 |
| 28/4/2026 | 13,64 | 13,32 | 0,9 | 10,59 | 914.932 | 3,48 | 300.958 |
| 29/4/2026 | 13,65 | 13,34 | 0,9 | 10,42 | 900.523 | 3,28 | 283.746 |
| 30/4/2026 | 13,66 | 13,33 | 0,9 | 10,75 | 929.118 | 3,28 | 283.746 |
| 01/5/2026 | 13,75 | 13,4 | 0,9 | 11,07 | 956.859 | 3,67 | 317.237 |
| Tổng cộng | | | | | 6.502.759 | | 2.121.119 |

b. Lượng nước từ ngày 01/12/2025 đến 01/5/2026 là **166,77** triệu m³ (trong đó K34+644: 129,49 triệu m³, K0-N25: 37,27 triệu m³).

c. Tình hình điều tiết nước: Tổ chức điều tiết vận hành công trình đảm bảo cấp đủ nước phục vụ sản xuất và cấp nước thô cho các nhà máy nước kênh Đông, khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi.

2. **Chất lượng nguồn nước kênh Đông:** Độ đục dao động từ (13,6÷23,1) NTU và pH dao động từ (7,00÷7,28).

3. **Mức nước Hồ Dầu Tiếng:** Dao động từ (20,58÷20,78)m.

| | Mức nước năm 2026(m) | Mức nước năm 2025 (m) |
|-----------|----------------------|-----------------------|
| 25/4/2026 | 20,78 | 20,03 |
| 26/4/2026 | 20,75 | 19,96 |
| 27/4/2026 | 20,71 | 19,90 |
| 28/4/2026 | 20,67 | 19,84 |
| 29/4/2026 | 20,66 | 19,79 |
| 30/4/2026 | 20,61 | 19,73 |
| 01/5/2026 | 20,58 | 19,67 |

4. Diễn biến mực nước triều, chất lượng nước trong tuần:

– Mực nước Max trong tuần:

- + Công Gò Dưa : + 1,21 m
- + Công Ba Thôn : + 1,16 m
- + RT12 (bắc Rạch Tra): + 1,06 m
- + Công kênh C : + 1,20 m
- + Công An Hạ : + 0,93 m

– **Chất lượng nước:**

| STT | Vị trí | Độ pH | | Độ mặn (2026) Ngày 29/04/2026 | | Độ mặn (2025) Ngày 01/05/2025 | |
|-----|----------------|-------|------|----------------------------------|-----|----------------------------------|-----|
| | | PS | PĐ | PS | PĐ | PS | PĐ |
| 1 | Cống Tân Kiên | 6,89 | 6,91 | 3,2 | 1,0 | 3,4 | 0,9 |
| 2 | Cống kênh C | 6,85 | 6,83 | 2,9 | 0,8 | 2,9 | 0,6 |
| 3 | Cống kênh B | 6,71 | 6,64 | 2,5 | 0,6 | 2,5 | 0,6 |
| 4 | Cống kênh A | 6,65 | 6,62 | 2,0 | 0,5 | 2,0 | 0,5 |
| 5 | Ngã ba Lý Mạnh | 6,58 | | 1,6 | | 1,5 | |
| 6 | CC kênh Ranh | 6,52 | | 0,4 | | 0,5 | |
| 7 | Cống An Hạ | 6,45 | 6,21 | 0,3 | | 0,3 | |
| 8 | Cống T10 | 6,35 | | 0,2 | | 0,2 | |

IV. TÌNH HÌNH VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH:

- Tổ chức trực và vận hành công trình đảm bảo an toàn; trữ nước phục vụ sản xuất, cấp nước sinh hoạt, công nghiệp và ngăn triều cường;
- Công trình 5 cống ngăn triều quận Thủ Đức: Vận hành đảm bảo an toàn công trình, phục vụ tốt sản xuất và dân sinh trên khu vực;
- Công trình Nam rạch Tra (cống Ba Thôn, Đá Hàn): Vận hành công trình đúng quy trình, kiểm tra đảm bảo an toàn công trình, ngăn triều, tiêu thoát nước tốt phục vụ sản xuất.